

## NG ỜI HÔNG

### VỚI VIỆC GÌN GIỮ NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

MAI THANH SƠN

Theo các nhà dân tộc học, ng- ời Hông chỉ mới có mặt ở Việt Nam khoảng trên d- ời 300 năm. Mặc dù vậy, họ đã hội nhập tích cực vào dòng văn hóa chung của quốc gia/dân tộc, trở thành một bộ phận không thể chia cắt của đất n- ớc. Văn hóa Hông là một bộ phận của văn hóa Việt Nam, tạo nên sự đa dạng trong một thực thể thống nhất.

Bản đồ phân bố tộc ng- ời hiện nay cho thấy, ng- ời Hông chủ yếu sinh sống ở các tỉnh miền núi miền Bắc (đông nhất là ở Hà Giang, Lao Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La và Nghệ An). Nếu dựa theo cách phân bậc độ cao của các nhà dân tộc - địa lý học Việt Nam, hầu hết các làng bản Hông (*giào*) đều đ- ợc lập trên các khu vực *núi cao* (phân biệt với vùng *núi giữa* và *núi thấp*). Đặc điểm c- trú đó đã góp phần không nhỏ vào việc kiến tạo những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc này.

1. Ng- ời Hông là tộc ng- ời có tính tự tôn cao, có nền văn hóa lâu đời và cho đến nay họ vẫn tự khẳng định mình với một bản sắc riêng không thể trộn lẫn. Đó là một tộc ng- ời lấy nông nghiệp trồng trọt trên đất dốc, với tính chống chịu cao nhờ vào hệ cây trồng đa dạng, làm cơ sở kinh tế chủ đạo; đ- ợc hỗ trợ bằng các hoạt động khác nh- thủ công nghiệp gia đình, hái l- ợm và săn bắt. Trong nhiều năm qua, một số nhóm Hông th- ờng đ- ợc biết đến nh- những cộng đồng ng- ời du c- điển hình và là "tội đồ" của rừng. Bức tranh ảm

đạm đ- ợc nhiều ng- ời tô vẽ là ng- ời Hông luôn trong tình trạng du canh du c- và họ cứ đi đến đâu thì ở đó mất rừng. Nh- ng thật ra, điều đó chỉ đúng với một số ít nhóm Hông còn duy trì hình thức quảng canh trên n- ơng đốt. Nếu có điều kiện ghé qua các bản Hông Trắng ở Hà Giang, Hông Hoa ở Bắc Hà (Lao Cai), Mù Căng Chải (Yên Bái) hay các nhóm Hông Sa Pa, chúng ta sẽ thấy lạc quan hơn và không khỏi nghi ngờ tính xác thực của những thông tin th- ờng nhận đ- ợc về ng- ời Hông qua các ph- ơng tiện thông tin đại chúng. Tại các khu vực này, ng- ời Hông từng sinh sống ổn định hàng trăm năm nay bởi họ còn giữ đ- ợc những truyền thống kỹ thuật t- ơng thích, chẳng hạn nh- làm ruộng bậc thang (ở Bắc Hà, Sa Pa) hoặc làm n- ơng định canh (n- ơng cày và n- ơng thổ canh hốc đá - nh- với ng- ời Hông ở phía bắc Hà Giang). Khuôn mẫu mà chúng ta th- ờng thấy ở các địa ph- ơng kể trên là *định c- - du canh luân khoảnh*. Các thôn trại của họ t- ơng đối ổn định và luôn đ- ợc mở rộng về mặt quy mô, còn chuyện du canh luân khoảnh trên thực tế cũng là kinh nghiệm phổ biến ở nhiều dân tộc đang canh tác trên đất dốc. Có điều, việc gia tăng dân số với tốc độ cao đã luôn đặt họ tr- ớc khả năng thiếu hụt đất trồng. Đó cũng chính là nguyên nhân dẫn đến hiện t- ợng di dân cục bộ, nghĩa là, khi thôn bản nào đó xảy ra tình trạng nhân mãn, một bộ phận sẽ tách ra và chuyển đến địa ph- ơng khác.

2. Ng- òi Hmông có những đặc điểm và chuẩn mực riêng trong văn hóa vật thể cũng nh- phi vật thể, gia đình cũng nh- xã hội. Các yếu tố văn hóa vật chất của ng- òi Hmông nh- nhà cửa, trang phục không chỉ có chức năng sinh học (bảo vệ con ng- òi) mà còn có nhiều chức năng xã hội khác (mà dễ nhận thấy nhất là ở chỗ nó giúp cho chúng ta nhận biết tộc ng- òi - thậm chí có thể nhận biết cả các nhóm địa ph- ơng). Nhà cửa của họ có cấu trúc kỹ thuật và nhất là cách bố cục mặt bằng sinh hoạt riêng, chặt chẽ trong mối quan hệ gia đình, phân vị chủ khách rõ ràng. Trang phục của họ không lẫn với bất kỳ dân tộc nào khác, kể cả trong cách tạo dáng cũng nh- các ph- ơng án trang trí hoa văn trên đó. Nh- vậy, không chỉ dừng lại ở các giá trị vật chất, nhà cửa hay trang phục của ng- òi Hmông còn phản ánh các tri thức bản địa (kỹ thuật tạo tác nhà cửa hay trang phục), những tâm thức tộc ng- òi liên quan đến tín ng- ỡng (thờ cúng, kiêng kị trong nhà) và t- duy thẩm mỹ cộng đồng.

Ng- òi Hmông có một cấu trúc xã hội chặt chẽ thể hiện qua những mối quan hệ từ thấp đến cao nh- gia đình - dòng họ - thôn trại - và liên thôn trại (khu vực / vùng / miền). Cũng nh- ở các tộc ng- òi khác, gia đình đ- ợc coi là tế bào nhỏ nhất của xã hội Hmông, là môi tr- ờng đầu tiên để mỗi cá nhân tiếp thu những giá trị văn hóa truyền thống. Dòng họ, mặc dù không còn tồn tại với t- cách là một tổ chức kinh tế - xã hội, nh- ng vẫn có vai trò quan trọng trong đời sống tộc ng- òi, ít nhất là ở ý thức về một ông tổ chung, cũng có nghĩa là sự ý thức về nguồn cội. Thôn trại (*giào*) là môi tr- ờng cộng c- - cộng sinh, bao giờ cũng đ- ợc hình thành với sự góp mặt của

nhiều dòng họ, là một đơn vị xã hội tự quản, vận hành theo những định chế riêng. Thôn trại của ng- òi Hmông là một cấu trúc vừa chặt chẽ, vừa linh hoạt; vừa đóng, vừa mở. Mỗi thôn trại th- ờng có những tập tục riêng, mọi thành viên trong công xã đều phải tuân thủ không điều kiện. Nh- ng trong tr- ờng hợp cần thiết, một thành viên (hay nhóm thành viên) nào đó hoàn toàn có thể tự do thoát ly khỏi sự chế tài đó. Tr- ờng hợp này th- ờng xảy ra khi có sự chuyển c- của các bộ phận riêng lẻ đến địa ph- ơng khác. Các thôn trại ng- òi Hmông th- ờng có mối quan hệ qua lại d- ới nhiều hình thức: họ tộc, hôn nhân, anh em kết nghĩa và trên hết là ý thức về một tộc ng- òi thống nhất trong ngôn ngữ và văn hóa, cho dù giữa các nhóm dân tộc học hay các vùng/miền có sự khác nhau nào đó ở những chi tiết văn hóa cụ thể.

Đặc tr- ng văn hóa phi vật thể của ng- òi Hmông không chỉ đ- ợc thể hiện qua những tri thức bản địa trong sản xuất hay các thể chế xã hội mà còn đ- ợc phản ánh trong thế giới quan tôn giáo và các bộ môn văn nghệ cổ truyền của họ nh- truyền thuyết, cổ tích, dân ca, dân nhạc, dân vũ, các trò chơi dân gian, v.v... Giai điệu trầm buồn của chiếc khèn Hmông, nỗi xót xa của "tiếng hát mồ côi", sự cay cực của "tiếng hát làm dâu" hay âm h- ớng da diết nhớ th- ơng của "tiếng hát tình yêu" (*gầu plênh*) d- ờng nh- đã đ- ợc đồng nhất với đặc tr- ng văn hóa của dân tộc này. Tất cả các yếu tố đó đều tồn tại trên nền tảng cộng đồng. Môi tr- ờng tốt nhất để các hoạt động đó diễn ra chính là những dịp sinh hoạt cộng đồng đặc biệt nh- lễ hội (*nào sông* - lễ ăn - óc, *gầu tào*, còn gọi là *sải sán* - tức lễ hội cầu phúc mùa xuân), chợ

phiên, tang ma, c- ới hỏi, v.v... Tính chất mùa vụ của nông lịch tạo nên một nhịp điệu sinh hoạt ổn định từ năm này sang năm khác, từ đời này sang đời khác trong một dòng chảy liên tục.

**3.** Nói nh- thế, không có nghĩa rằng văn hóa Hmông luôn bị đóng kín. Thực tế cho thấy, trong tr- ờng kỳ lịch sử, quá trình tiếp biến văn hóa (acculturation) ở ng- ời Hmông từng diễn ra mạnh mẽ với xu h- ớng bản địa hóa hoặc bản tộc hóa những yếu tố văn hóa ngoại lai. Chẳng hạn nh- , chúng ta có thể dễ dàng nhận ra những yếu tố ngôn ngữ Hán trong tiếng Hmông hay các món ăn có nguồn gốc từ ng- ời Hán trong mâm cơm của họ. Đó là sự tiếp thu tự nguyện, có chọn lọc, phù hợp với diễn trình phát triển của cộng đồng và vì vậy, nó làm giàu thêm cho vốn văn hóa của ng- ời Hmông. Sự đột biến trong văn hóa của dân tộc này chỉ xảy ra từ khi văn hóa ph- ơng Tây và văn minh công nghiệp ảnh h- ớng trực tiếp lên miền núi.

Có lẽ những ng- ời Hmông đầu tiên chịu ảnh h- ớng của văn hóa ph- ơng Tây chính là một bộ phận sinh sống gần các thị tứ của tỉnh Lào Cai, Yên Bái và Hà Giang. Tại Sa Pa (Lao Cai) và Trạm Tấu (Yên Bái), thậm chí đã có những ng- ời Hmông cải theo đạo Thiên Chúa từ những năm đầu của thế kỷ XX. Đối với nhóm này, các yếu tố tín ng- ỡng truyền thống vốn tồn tại hàng ngàn năm đã bị loại bỏ, phần nào đó là cả những chuẩn mực xã hội và tiêu chí đạo đức cộng đồng. Tuy nhiên, những tác động do sự chia rẽ tôn giáo đó không hẳn lớn hơn so với các sự kiện lịch sử của nửa sau thế kỷ XX.

Cũng nh- các tộc ng- ời khác ở Việt Nam, ng- ời Hmông đã phải chịu ảnh h- ớng to lớn của các cuộc chiến tranh giữ n- ớc suốt hai thế kỷ qua, nhất là của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Một mặt, qua các cuộc chiến đó, ý thức về quốc gia - dân tộc ở ng- ời Hmông đã đ- ợc bồi đắp, họ gắn bó chặt chẽ hơn với tộc ng- ời đa số của quốc gia là ng- ời Việt. Nh- ng mặt khác, chiến tranh cũng đã dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong đời sống văn hóa cộng đồng.

Để đảm bảo cho sự thắng lợi cuối cùng của các cuộc chiến tranh giữ n- ớc, Đảng và Nhà n- ớc Việt Nam vừa chủ tr- ơng đoàn kết dân tộc, vừa cố gắng thực hiện các cuộc vận động lớn nhằm ổn định hậu ph- ơng và tiết kiệm nhân tài vật lực. Trong những năm 60 của thế kỷ tr- ớc, đã có hai cuộc vận động lớn ở miền núi, trong đó có vùng ng- ời Hmông: Một là, cuộc vận động định canh định c- ới đối với đồng bào các tộc ng- ời thiểu số và đ- a ng- ời Việt ở miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới; hai là, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng - khoa học kỹ thuật, quan hệ sản xuất và t- t- ờng văn hóa. Thực tế đã chứng minh tính đúng đắn của các chủ tr- ơng chung mà Đảng và Nhà n- ớc đã tiến hành ở vùng cao. Cuộc sống của ng- ời dân đã đ- ợc cải thiện rõ rệt, mạng l- ới mậu dịch, y tế, tr- ờng học đ- ợc xây dựng và mở mang ở khắp các địa ph- ơng. Các sản phẩm của nền văn hóa công nghiệp từng b- ớc tham gia vào cuộc sống của ng- ời dân.

Nh- ng không phải mọi chủ tr- ơng của Đảng và Nhà n- ớc đều chỉ có những tác động tích cực. Sau này, ng- ời ta đã nhận ra những thiếu sót, chủ yếu là hữu khuynh khe khát, khi đề ra và thực hiện

một vài biện pháp cụ thể. Chẳng hạn như, việc di dân từ miền xuôi lên miền núi, ngoài mặt tích cực, còn làm gia tăng sức ép về dân số, và điều đáng nói hơn là đôi chỗ đã có sự áp đặt về văn hóa cho các tộc người thiểu số theo tiêu chí của người Việt. Hoặc như, trong nội dung cuộc cách mạng văn hóa, một thời người ta quan niệm rằng, những nghi thức tín ngưỡng chính là biểu hiện cụ thể của tệ mê tín dị đoan. Vì thế, bên cạnh sự vận động xoá bỏ các hủ tục trong ma chay, cưới xin, các lễ hội truyền thống mang tính cộng đồng của người Hmông, như lễ *nào sông* và hội *gầu tào/sải sán*, đều bị cấm. *Nào sông* là lễ tế của thôn trại. Trong lễ đó, trưởng thành linh, các thành viên nam trong công xã sẽ cam kết với nhau về việc bảo vệ mùa màng, gia súc, rừng cấm trên cơ sở của tình đoàn kết. *Gầu tào/sải sán* thực ra là lễ hội tạ ơn trời đất, tổ tiên, cầu phúc và cả giao duyên nữa. Căn cứ vào nội dung văn hóa, có thể nói rằng, các lễ hội này đều hàm chứa những ý nghĩa nhân văn cao cả. Điều quan trọng hơn, đó chính là môi trường nuôi dưỡng tính cố kết tộc người và tiếp thêm sức sống cho các giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống khác. Vì thế, có thể coi đó là những mỹ tục.

Sau chiến tranh là cả một thời kỳ khủng hoảng về kinh tế, kéo theo sự xuống cấp của các yếu tố văn hóa xã hội. Đây đó còn có cả sự khủng hoảng về lòng tin. Đó chính là mảnh đất tốt cho sự du nhập những yếu tố tôn giáo tiêu cực.

Gần 20 năm trở lại đây, do ảnh hưởng trực tiếp của tiến trình đổi mới với nội dung cơ bản là công nghiệp hóa - hiện đại hóa, kinh tế - xã hội miền núi và vùng người Hmông đã có những đổi thay đáng kể. Nhờ có những chính sách đúng đắn

của Nhà nước trong sản xuất kinh tế, nhất là trong nông nghiệp, đời sống của người Hmông ở tất cả các địa phương đều được nâng cao. Một số vùng người Hmông còn trở thành những trung tâm du lịch như Sa Pa hoặc Bắc Hà. Với những tiến bộ của khoa học và công nghệ, người Hmông cũng được tiếp xúc rộng rãi hơn với thế giới bên ngoài. Đó là những thành tựu không thể phủ nhận. Tuy nhiên, cũng vì thế mà văn hóa truyền thống của người Hmông trở nên mong manh trước sức ép của nền văn hóa công nghiệp mang tính toàn cầu. "*Tự đánh mất bản sắc văn hóa của mình*" đang là nguy cơ tiềm tàng ở người Hmông.

Người dân miền núi nói chung, người Hmông nói riêng, bước vào cuộc sống công nghiệp hiện đại từ một xuất phát điểm rất thấp. Đó là một diễn trình chông gai với liên tiếp các đứt gãy vì phải đứt gãy giai đoạn và do vậy, thật khó có thể kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại. Trưởng ảnh hưởng tất yếu của văn minh công nghiệp, vốn luôn đặt hiệu quả kinh tế lên hàng đầu, người Hmông - cũng như nhiều tộc người khác - thường mặc cảm với những gì mình đang có và háo hức tiếp thu những gì được áp đặt. Các tri thức bản địa của họ bị quên lãng, một phần cũng do người dân ngộ nhận rằng đó là những yếu tố văn hóa lạc hậu. Một số thuần phong mỹ tục của họ cũng đang bị xâm hại do sự xác lập vội vã của các chuẩn mực mới.

Tôi đã có nhiều dịp điền dã tại các vùng người Hmông ở Hoà Bình, Lào Cai và Hà Giang, đặc biệt là trong các vùng đang có các dự án phát triển của Chính phủ hoặc do các NGO tài trợ. Tôi nhận thấy, người Hmông có thể tiếp thu rất nhanh các kỹ năng mới (chẳng hạn như trong kỹ thuật

dệt may) và tiếp cận thị trường một cách có hiệu quả (với những sản phẩm do mình tự làm ra hoặc trao đổi với các dân tộc khác mà có). Một số dự án - chẳng hạn như trồng mận tam hoa ở Bắc Hà, du lịch bền vững ở Sa Pa, thổ cẩm ở một số địa phương thuộc Lào Cai, Hà Giang và Hoà Bình - thực sự đã đạt được những kết quả khả quan, nếu chỉ xét đơn thuần dưới góc độ mục tiêu kinh tế.

Tuy nhiên, liệu có thể coi là sự phát triển bền vững khi mà đồng thời với việc tăng thu nhập kinh tế là sự suy giảm các giá trị văn hóa truyền thống, nhất là trong văn hóa phi vật thể, và sự lệch chuẩn so với những tiêu chí đạo đức cộng đồng. Những đổi mới trong tập quán sản xuất là cần thiết, vì mục tiêu an toàn lòng thực và phát triển kinh tế hàng hoá. Phải nhận xét một cách khách quan rằng, trong hoạt động kinh tế nói riêng, các hoạt động vật chất nói chung, người Hmông đã tận dụng được một số tri thức bản địa để nâng cao cho phù hợp với nhu cầu phát triển. Các giống cây trồng mới (các giống lúa, ngô mới, mận tam hoa, atiso, v.v...) và sự bổ sung kỹ thuật mới (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) vào tăng nền canh tác cổ truyền tỏ ra có hiệu quả và kết nối được những kinh nghiệm canh tác trên đất dốc. Một số dự án tiểu thủ công nghiệp cũng phát huy được những kỹ năng vốn có của người dân khi có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại (ví dụ: kết hợp giữa thuốc nhuộm tự nhiên với các loại màu công nghiệp, các loại sợi truyền thống với len hay chỉ nilon, các dạng hoa văn cổ truyền được đưa vào và những sản phẩm mới vào để thoả mãn nhu cầu của thị trường, v.v...). Như vậy, chính vì nhờ có sự nhận thức đúng đắn và thiện chí của các nhà hoạch định chính

sách cũng như các cán bộ dự án mà tính liên tục giữa truyền thống và hiện đại trong một số hoạt động kinh tế của người Hmông đã được đảm bảo. Mặt khác, đa số người Hmông cơ bản vẫn giữ được những đặc trưng tộc người thể hiện qua nhà cửa và trang phục. Điều đó phần nào được bắt nguồn từ những lý do liên quan đến tín ngưỡng, yếu tố luôn được xem là bền vững nhất trong văn hóa tộc người.

Nhưng ở các lĩnh vực văn hóa phi vật thể khác, sự mất mát là rất lớn. Từ lâu, ở đa số các vùng Hmông đã không còn những sinh hoạt và lễ hội văn hóa truyền thống mang tính cộng đồng mà ở đó những giá trị văn hóa phi vật thể được nuôi dưỡng và tiếp sức. Đã vắng dần những pho sử sống của dân tộc, lớp trẻ ngày nay - a xem TV hơn nghe những câu chuyện cổ tích của dân tộc mình. Thanh niên nam nữ không còn thích ném "papao", hát ống và tỏ tình bằng đàn môi. Những người biết thổi khèn cứ thà vắng dần, những làn điệu dân ca chỉ còn là ký ức xa mờ của lớp người cao tuổi. Các điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ Hmông không có cơ hội trình diễn ở cộng đồng mà được sân khấu hóa để phục vụ cho du khách. Nhiều đứa trẻ Hmông không còn được lớn lên trong những lời ru truyền cảm của mẹ. Và tai hại hơn, tại một vài khu du lịch, đã thấy những đứa trẻ bỏ học, bỏ nhà lang thang trên chợ buôn bán kiếm lời bất chấp những lời khuyên của cha mẹ. Sức ép của gia đình đã không còn thắng nổi sự cám dỗ của những mối lợi vật chất. Các mối liên kết cộng đồng với những tiêu chí truyền thống đã và đang bị thay thế bởi các chuẩn mực mới, lấy cá nhân làm trung tâm. Nền tảng cơ sở của văn hóa Hmông đang bị mất đi từng ngày.

4. Trên thực tế, tình trạng suy thoái văn hóa truyền thống không chỉ xảy ra với người Hmông mà với hầu hết các tộc người thiểu số khác ở Việt Nam. Tình hình đó khiến cho các nhà khoa học lúng túng còn những người tâm đắc với văn hóa truyền thống tộc người cảm thấy lo ngại. Một câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào để người Hmông vừa phát triển cơ sở kinh tế - xã hội, vừa gìn giữ được những bản sắc riêng trong văn hóa tộc người? Khái niệm *gìn giữ* (hay *bảo tồn*) ở đây phải được hiểu như một thực thể sống, có ý nghĩa tích cực đối với đời sống cộng đồng chứ không chỉ được "đóng hộp" trong các bảo tàng. Tức là phải làm sao để *hiện đại hóa trên cơ sở của văn hóa truyền thống* như một dòng chảy liên tục?

Có hai vấn đề cần được nêu ra sau câu hỏi trên đây: Một là, chúng ta cần làm gì để khôi phục lại những nền tảng cơ sở của văn hóa đã và đang bị mất đi? Hai là, có thể kết hợp giữa truyền thống và hiện đại để xây dựng những chuẩn mực mới phù hợp với nhu cầu phát triển? Những vấn đề này phải được các nhà khoa học, các nhà quản lý giải quyết với sự tham gia một cách tích cực của người dân, được cộng đồng tộc người chấp nhận.

Trong một thời gian dài, đã có sự áp đặt những chính sách kinh tế - xã hội - văn hóa vào vùng người Hmông. Một số thất bại - ví như chủ trương xây dựng làng mới với các kiểu nhà của miền xuôi ở Mù Cang Chải (Yên Bái) - đã để lại nhiều bài học bổ ích. Vì thế, sự lựa chọn mô hình và con đường phát triển của mỗi tộc người cần phải dựa trên những nhu cầu của cộng đồng, do cộng đồng quyết định. Tuy nhiên, sự lựa chọn đó sẽ đúng đắn hơn nếu có sự định hướng của các nhà khoa học, văn hóa

học để sự đảm bảo của các thể chế chính trị và sự trợ giúp một cách có hiệu quả về y tế và giáo dục.

Thực tế cho thấy, trong cuộc sống, người dân luôn phải đối mặt với những sự lựa chọn khó khăn. Người dân - và cả nhiều nhà quản lý địa phương - thường hiểu chất lượng sống đời sống vật chất hơn là có sự bổ sung của văn hóa tinh thần. Câu hỏi thường trực của họ là làm thế nào để sống tốt hơn/giàu có hơn về vật chất chứ không phải là làm thế nào để giữ được những câu chuyện cổ tích, những điệu khèn hay câu hát dân ca, ngoại trừ một điều gần như bắt buộc - đó là con đường về với tổ tiên sau khi chết.

Như thực tế cũng cho thấy một khía cạnh khác: Khi cuộc sống vật chất được đáp ứng tốt hơn, người ta sẽ trở lại với những giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống. Thậm chí, hiện tượng này đã trở thành cực đoan ở một vài dân tộc, mà điển hình chính là ở người Việt - bên cạnh sự phục hồi các sinh hoạt cộng đồng truyền thống, người ta đã làm sống lại cả các hủ tục như bói toán, đồng cốt, v.v.

Diễn biến tâm lý trên đây liệu có xảy ra ở người Hmông? Câu trả lời là: Có. Và chúng ta hoàn toàn có thể xem ý thức "**tìm về nguồn**" như một lợi thế tâm lý để tìm ra lối thoát. Tôi đã từng được dự nhiều đám tang, đám cưới, đi nhiều chợ vùng cao của người Hmông. Tôi cũng hai lần được dự lễ hội *gầu tào* mới được tái tổ chức ở Mường Khương (Lào Cai) như có sự tham gia của nhiều người Hmông đến từ các địa phương khác như Bắc Hà (Lào Cai), Mù Cang Chải hoặc Trạm Tấu (Yên Bái). Mặc dù hẳn đã có nhiều nét mới, ví như có sự tham gia của chính quyền cơ sở

hay các đoàn thể quần chúng, nh- ng các sinh hoạt đó cơ bản vẫn giữ đ- ợc những đặc điểm cổ truyền. Không thể phủ nhận đ- ợc một thực tế là đa số ng- ời Hmông vẫn háo hức với các sinh hoạt cộng đồng của dân tộc mình. Bởi lẽ, nó hoàn toàn phù hợp với ý nguyện của ng- ời dân và do ng- ời dân làm chủ, d- ối sự hỗ trợ của chính quyền cơ sở và các đoàn thể. Rõ ràng là ng- ời Hmông ở đây đã và đang có những cố gắng để tìm lại sự cân bằng giữa cuộc sống vật chất và tinh thần.

Mặt khác, tại hầu hết các địa ph- ơng hiện nay đều thấy xuất hiện những phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng lấy vốn cổ của các tộc ng- ời thiểu số làm mục tiêu khai thác. Nhiều cuộc liên hoan ở cấp tỉnh, cấp vùng/miền đã đ- ợc tổ chức và thu hút nhiều nghệ nhân dân gian tham gia, trong đó có ng- ời Hmông. Điều đó chứng tỏ họ vẫn mong muốn có một “sân chơi” lành mạnh để tự thể hiện bản sắc văn hóa của mình. Tôi không đánh giá quá cao kết quả của các cuộc thi này, bởi còn nhiều vấn đề cần thảo luận, nhất là ở sự “cải biên” và “sân khấu hóa” các loại hình văn nghệ dân gian. Nh- ng ít nhất, qua các cuộc thi nh- vậy, một phong trào “ôn cố” đã đ- ợc phát động t- ơng đối sâu rộng. Nếu có sự kết hợp chặt chẽ hơn với công tác điều tra, nghiên cứu cơ bản, s- u tầm và có biện pháp bảo tồn trong cộng đồng, những phong trào này hẳn có nhiều ý nghĩa thực tế hơn. Đó cũng là việc làm thiết thực để các yếu tố văn hóa phi vật thể của các tộc ng- ời thiểu số nói chung, ng- ời Hmông nói riêng có thể trở thành động lực của sự phát triển.

Tôi không có ý định đ- a ra kết luận của mình, bởi lẽ vấn đề này d- ờng nh- quá

lớn. Nh- ng qua thực tế nghiên cứu, tôi thấy có hai điểm cần l- u ý:

- Cho đến nay, các giá trị văn hóa vật thể cũng nh- phi vật thể của ng- ời Hmông ch- a đ- ợc điều tra tổng thể và thống kê đầy đủ. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu cơ bản tr- ớc khi quá muộn. Đây là nhiệm vụ của các cơ quan khoa học chuyên ngành nh- dân tộc học, văn hóa học, tôn giáo học, văn học, ngôn ngữ học và bảo tàng học với sự tham gia của ng- ời dân.

- Việc hoạch định các chính sách hay thực thi các dự án phát triển ở vùng ng- ời Hmông cần chú trọng gìn giữ các yếu tố văn hóa phi vật thể trên nền tảng cộng đồng. Sự can thiệp của các thể chế chính trị cũng nh- các NGO sẽ chỉ có ý nghĩa tích cực khi văn hóa truyền thống của ng- ời dân đ- ợc tôn trọng và phát huy. Sự phát triển bền vững chỉ có thể có đ- ợc khi chúng ta biết kết nối truyền thống với hiện đại và giữ đ- ợc sự đa dạng văn hóa của các tộc ng- ời trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít ng- ời ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1978.
2. Sở Văn hóa-Thông tin Hà Giang. *Văn hóa truyền thống các dân tộc Hà Giang*, Hà Giang - 1994.
3. C- Hoà Vân, Hoàng Nam. *Dân tộc Mông ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội - 1994.
4. Trần Hữu Sơn. *Văn hóa Hmông*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội - 1996.
5. Trần Hữu Sơn. *Văn hóa dân gian Lào Cai*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội - 1997.
6. Lê Duy Đại - Triệu Đức Thanh (chủ biên). *Các dân tộc ở Hà Giang*, Nxb Thế Giới, Hà Nội - 2003.